

BIỂU TƯỢNG TỰ NHIÊN TRONG CA DAO XỨ QUẢNG NATURAL SYMBOLE IN QUANG TERRITORY'S FOLK SONG

Đàm Nghĩa Hiếu*, Trương Thúy Liên

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: dnhieu@ued.udn.vn

(Nhận bài / Received: 30/6/2023; Sửa bài / Revised: 21/10/2023; Chấp nhận đăng / Accepted: 24/10/2023)

Tóm tắt - Tìm hiểu biểu tượng tự nhiên và vận dụng lý thuyết về biểu tượng vào nghiên cứu ca dao xứ Quảng góp phần làm rõ mối quan hệ giữa biểu tượng tự nhiên với đời sống tinh thần, văn hóa con người xứ Quảng. Ca dao xứ Quảng là trường hợp văn học dân gian địa phương đặc sắc, góp phần khẳng định giá trị thẩm mỹ của kho tàng văn học dân gian người Việt. Qua nghiên cứu, nhóm tác giả đã thu được những kết quả khá quan trọng. Từ đó thấy được ý nghĩa của biểu tượng tự nhiên trong đời sống của người dân xứ Quảng. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần nhận diện tính khả thi khi vận dụng lý thuyết biểu tượng vào nghiên cứu ca dao, mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong công tác dạy học ca dao ở nhà trường. Qua đó, góp phần hiểu hệ thống biểu tượng, nâng cao giá trị và tầm quan trọng của biểu tượng trong đời sống văn hóa và tâm thức người xứ Quảng.

Từ khóa - Ca dao; xứ Quảng; biểu tượng tự nhiên; nước; đất; lửa; không khí.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu ca dao từ góc nhìn biểu tượng là một hướng tiếp cận không còn xa lạ trong những năm gần đây. Xứ Quảng là mảnh đất thơm mát và nuôi dưỡng những giá trị văn hóa, văn học đặc sắc, góp phần tạo sự đa dạng cho nền văn học Việt Nam. Nhìn chung, những công trình nghiên cứu về biểu tượng trong ca dao khá phong phú, đóng góp lớn vào việc xác định sự hiện hữu của biểu tượng và các đặc điểm, ý nghĩa, chức năng của hệ thống biểu tượng trong ca dao. Tuy nhiên, đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu về biểu tượng trong phạm vi ca dao xứ Quảng, đặc biệt là hệ thống biểu tượng tự nhiên. Trên tinh thần kế thừa đóng góp của các nhà nghiên cứu đi trước về lý thuyết biểu tượng và các đặc điểm, ý nghĩa của hệ thống biểu tượng tự nhiên, nhóm tác giả vận dụng cơ sở lý thuyết để đi sâu vào khảo sát, phân tích, đánh giá và làm nổi bật đặc điểm, ý nghĩa của biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng.

2. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

2.1. Biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng

Đinh Hồng Hải cho rằng “biểu tượng” trong tiếng Việt là một từ dùng khá phức tạp và rút ra kết luận: “Có thể coi biểu tượng là những hình ảnh tượng trưng do con người tạo ra, tồn tại trong đời sống của con người và có tác động đến đời sống văn hóa của con người. Việc nghiên cứu các biểu tượng đã được con người tìm hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau thông qua triết học, văn học, lịch sử, tôn giáo...” [1, tr.12]. Đi vào ca dao, theo Nguyễn Thị Ngọc Diệp trong Luận án Tiến sĩ *Biểu tượng nghệ thuật trong ca dao truyền thống người Việt* (2002) thì “biểu tượng ca dao là những hình ảnh ẩn dụ được một cộng đồng chấp nhận và sử dụng rộng rãi, phổ biến, mang

Abstract - Researching into natural symbole and applying the theory of symbole to study Quang territory's folk song contribute to clarifying the relationship between natural symbole and the spiritual life and culture of Quang people. Quang territory's folk song is a unique case of local folklore, contributing to affirming the aesthetic value of Vietnamese folklore treasures. Through this research, we have obtained quite positive results. The results of this research show the meaning of natural symbole in the life of Quang people. This research results not only contribute to identifying the feasibility of applying symbole theory to the study of folk song, but also have practical significance in teaching folk song at school, thereby contributing to comprehending the symbole system, enhancing the value and importance of symbole in culture life and people's consciousness in Quang territory.

Key words - Folk song; Quang territory; natural symbole; water; land; fire; air.

đậm tính truyền thống. Các so sánh, ẩn dụ, hoán dụ mang những nét nghĩa thẩm mỹ tương đối ổn định trong một hệ thống chủ đề, đề tài nhất định và những nét nghĩa đó được cộng đồng chấp nhận, sử dụng rộng rãi trong nhiều bài ca dao thì trở thành biểu tượng ca dao. Đề tạo nên biểu tượng, nghĩa đen, nghĩa biểu vật của các từ ngữ sẽ là cơ sở để từ đó người tiếp nhận khai thác nghĩa bóng, nghĩa biểu cảm” [2, tr.26].

Ở nghiên cứu này, nhóm tác giả tiếp thu quan điểm của Empedocles - một triết gia sống dưới thời đại hoàng kim của nền dân chủ ở Athens vào thế kỷ thứ 5 TCN, cho rằng có bốn nguyên tố khởi tạo thế giới bao gồm: “đất, không khí, lửa và nước” [3, tr.12]. Từ bốn nguyên tố khởi sinh thế giới, con người đã hình thành nên hệ thống biểu tượng tự nhiên. Nhóm tác giả lĩnh hội quan điểm lí giải quá trình biểu tượng hóa của Roland Barthes: “Chỉ có một bí mật duy nhất của thế giới, và bí mật này nằm trong một chữ, vũ trụ là cái kết sắt mà cả nhân loại tìm con số để mở” [4, tr.92-93].

Hiện diện trong ca dao, biểu tượng tự nhiên góp vai trò quan trọng trong việc sinh thành các tầng ý nghĩa ẩn sâu. Thế giới xung quanh con người được bao quát bởi các yếu tố tự nhiên hình thành và duy trì sự sống. Vì vậy, con người thông qua các yếu tố tự nhiên, gán những ý niệm, ý nghĩa xuất phát từ đời sống sinh hoạt, tinh thần, văn hóa, tâm linh,... để biểu đạt tư duy, quan niệm, lựa chọn trước các tình huống sống. Từ đó, chúng trở thành biểu tượng được cộng đồng nhận diện và sử dụng rộng rãi. Người Việt vốn chủ yếu sống bằng nghề nông trồng lúa nước nên phụ thuộc nhiều vào các yếu tố tự nhiên. Vì vậy, trong quan niệm của cư dân nông nghiệp, các yếu tố tự nhiên: đất, nước, lửa, không khí đã trở thành mối quan tâm hàng đầu và họ ý thức được rằng con người không thể tách biệt với các yếu tố đó. Họ sống hòa hợp với

¹ The University of Danang - University of Science and Education, Danang, Vietnam (Dam Nghia Hieu, Truong Thuy Lien)

tự nhiên, coi tự nhiên như thể ngôi nhà lớn của mình. Cuộc sống lao động, sinh hoạt diễn ra trong thế giới của tự nhiên. Từ quan hệ tiếp xúc đó, các yếu tố tự nhiên đã trở thành phương tiện thẩm mỹ để con người bộc lộ thế giới tinh thần phong phú. Phần lớn các bài ca dao đều xuất hiện các yếu tố, các dạng thức khác nhau của tự nhiên. Trong nhiều trường hợp, chúng góp vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình tượng, cấu tạo tứ thơ,... Nhiều hình ảnh tự nhiên được chọn lọc, sử dụng nhiều lần với nét nghĩa ổn định đã trở thành những tín hiệu thẩm mỹ thể hiện tâm tư, tình cảm của nhiều con người, nhiều thế hệ, tạo nên một lối nói chung của cộng đồng, mang tính truyền thống lâu đời.

2.2. Khảo sát hệ thống biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng

Nhóm tác giả khảo sát các biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng dựa trên bốn nguyên tố tự nhiên khởi tạo thế giới bao gồm: nước, đất, lửa và không khí. Những nguyên tố này thiết yếu, gắn bó, có quyết định đến sự sống của con người. Qua đó, con người gửi gắm ý nghĩ, quan niệm và các yếu tố này trở thành biểu tượng. Đến lượt mình, các biểu tượng tự nhiên khắc dấu vào đời sống tinh thần, văn hóa, văn học nghệ thuật của con người, tạo nên giá trị.

Qua 4653 bài ca dao (đã chọn lọc các bài ca dao trùng lặp), bao gồm 4087 bài ca dao trong ngữ liệu *Tổng tập văn hóa nghệ thuật dân gian Tập 1: Ca dao, dân ca đất Quảng* của Hoàng Hương Việt, Bùi Văn Tiếng chủ biên [5] và 566 bài ca dao trong *Ca dao, dân ca kháng chiến đất Quảng (1945 – 1975)* của Hoàng Hương Việt sưu tầm và biên khảo [8], nhóm tác giả khảo sát các dạng thức tồn tại khác nhau của các biểu tượng nước, đất, lửa, không khí khi chúng được đưa vào trong ca dao và nhóm tác giả phân loại, thống kê được 1809 lần xuất hiện các biểu tượng tự nhiên với tần số, tỉ lệ được biểu thị tại Bảng 1.

Bảng 1. Biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng

STT	Biểu tượng	Tần số	Tỉ lệ %
1	Nước	968	53,51
2	Đất	693	38,31
3	Không khí	82	4,53
4	Lửa	66	3,65
Tổng		1809	100,00

Trong hệ thống biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng, biểu tượng nước chiếm tỉ lệ cao nhất với 53,51%, tiếp theo là biểu tượng đất chiếm tỉ lệ 38,31%, biểu tượng không khí chiếm tỉ lệ 4,53% và cuối cùng chiếm tỉ lệ thấp nhất là biểu tượng lửa với 3,65%.

Cư dân xứ Quảng gắn bó với đời sống nông nghiệp lúa nước, vốn sống và làm việc phụ thuộc mật thiết với thế giới tự nhiên, họ càng ý thức và hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên. Người Quảng trong quá trình sống gắn bó, chiến đấu và chinh phục tự nhiên đã nhận thức được một cách sâu sắc mối quan hệ này và thể hiện trong các triết lý chứa đựng trong kho tàng ca dao.

2.2.1. Biểu tượng nước

Với tần số 968 lần và chiếm tỉ lệ 53,51%, biểu tượng nước xuất hiện với tần suất cao nhất trong hệ thống biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng.

Nước được xem là một thực thể khởi nguyên làm nên nhiên giới và nhân giới. Nước nuôi sống con người, cỏ cây,

muông thú. Nước có mặt trong những thần thoại, truyền thuyết từ rất lâu về trước. Nước quan trọng và gắn gũi với đời sống của muôn loài. Vì vậy, nước chảy tràn vào văn hóa và đi vào văn học, làm thành biểu tượng. Biểu tượng nước xuất hiện rất nhiều trong ca dao, đời sống nông dân ngày xưa. Nước biến hình, tồn tại dưới nhiều dạng thức biểu tượng khác nhau như biển, sông, suối, ao, hồ, mưa, sương,... Qua khảo sát, nhóm tác giả đã phân loại, thống kê tần số và tỉ lệ xuất hiện các dạng thức tồn tại của biểu tượng nước trong ca dao xứ Quảng tại Bảng 2.

Bảng 2. Biểu tượng nước

STT	Biểu tượng	Tần số	Tỉ lệ %
1	nước	374	38,64
2	sông, hà, giang	329	33,99
3	biển	98	10,12
4	mưa	52	5,37
5	mây, vân	22	2,27
6	sóng	21	2,17
7	sương	15	1,55
8	suối	13	1,34
9	ao	11	1,14
10	trông	10	1,03
11	hồ	8	0,83
12	nguồn	6	0,62
13	lạch	5	0,52
14	tuyết	4	0,41
Tổng		968	100,00

Có thể thấy rằng, biểu tượng nước tồn tại dưới nhiều dạng thức khác nhau. Những biến thể khác nhau của nước trong ca dao xứ Quảng giúp chúng ta hiểu rõ về những sắc thái ý nghĩa của biểu tượng nước trong tâm thức cộng đồng người dân xứ Quảng.

2.2.2. Biểu tượng đất

Với tần số 693 lần và chiếm tỉ lệ 38,31%, biểu tượng đất xuất hiện với tần suất khá cao trong ca dao xứ Quảng so với các biểu tượng tự nhiên khác. Đất là lãnh thổ, là nơi sinh sống của con người, “tác đất tác vàng”, không có đất sẽ không tồn tại sự sống. Đất không chỉ là không gian địa lí, lịch sử mà còn chứa đựng những nếp sống sinh hoạt và đời sống - con người. Qua khảo sát, nhóm tác giả đã phân loại, thống kê tần số và tỉ lệ xuất hiện các dạng thức tồn tại của biểu tượng đất trong ca dao xứ Quảng bằng Bảng 3.

Bảng 3. Biểu tượng đất

STT	Biểu tượng	Tần số	Tỉ lệ %
1	đất	167	24,10
2	non	167	24,10
3	núi, sơn, san	157	22,66
4	đá	51	7,36
5	rừng	51	7,36
6	ruộng	31	4,47
7	đồng	30	4,33
8	cát	8	1,15
9	ruộng vườn	8	1,15
10	nuong	7	1,01
11	bùn	7	1,01
12	cù lao	4	0,58
13	sơn khê	3	0,43
14	đồi	2	0,29
Tổng		693	100,00

2.2.3. Biểu tượng không khí

Biểu tượng không khí thể hiện rõ hơn dưới dạng thức biểu tượng gió. Nói về hình tượng gió trong văn học dân gian Việt Nam nói chung và ca dao Việt Nam nói riêng, các nhà phê bình văn học thường cho rằng gió là sự va chạm, giận dữ của các nguyên tố chống chọi nhau, là dòng xoáy của các lực bóng tối và ánh sáng, thu hút mọi sự sống vào vòng tuần hoàn kỳ lạ của nó.

Với 82 lần xuất hiện và chiếm tỉ lệ 4,53%, biểu tượng không khí xuất hiện với tần suất thấp so với biểu tượng nước và biểu tượng đất trong ca dao xứ Quảng. Qua khảo sát, nhóm tác giả đã phân loại, thống kê tần số và tỉ lệ xuất hiện các dạng thức tồn tại của biểu tượng không khí trong ca dao xứ Quảng tại Bảng 4.

Bảng 4. Biểu tượng không khí

STT	Biểu tượng	Tần số	Tỉ lệ %
1	gió (phong)	70	85,36
2	bão	6	7,32
3	bão giông	6	7,32
Tổng		82	100,00

Nhìn chung, biểu tượng không khí xuất hiện ít trong ca dao xứ Quảng, chúng không đa dạng về mặt dạng thức và ý nghĩa biểu tượng trong tâm thức cộng đồng như biểu tượng đất và biểu tượng nước.

2.2.4. Biểu tượng lửa

Bảng 5. Biểu tượng lửa

STT	Biểu tượng	Tần số	Tỉ lệ %
1	lửa	41	62,12
2	khói lửa	5	7,58
3	đuốc	4	6,06
4	tro	4	6,06
5	chớp	2	3,03
6	hương khói	2	3,03
7	khói	2	3,03
8	mặt trời	2	3,03
9	sấm	2	3,03
10	sét	2	3,03
Tổng		66	100,00

Biểu tượng văn hóa lửa có vai trò như là cội mẫu, mẫu gốc, là nguồn ý nghĩa mang đậm nét văn hóa dân tộc. Với tần số 66 lần và chiếm tỉ lệ 3,65%, biểu tượng lửa xuất hiện với tần suất thấp nhất trong hệ thống biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng. Qua khảo sát, nhóm tác giả đã phân loại, thống kê tần số và tỉ lệ xuất hiện các dạng thức tồn tại của biểu tượng lửa trong ca dao xứ Quảng tại Bảng 5.

Có thể thấy, biểu tượng lửa tồn tại với khá nhiều biến thể khác nhau. Các biến thể đa dạng của biểu tượng lửa đều thể hiện những ý nghĩa đặc trưng trong ca dao xứ Quảng.

3. Bàn luận

3.1. Nước - dòng chảy tuần hoàn

3.1.1. Nước - vẻ đẹp hùng vĩ của tự nhiên

Qua khảo sát biểu tượng nước trong ca dao xứ Quảng, nhóm tác giả nhận thấy nước với nhiều lớp nghĩa biểu đạt, xuất hiện đậm nét qua chân dung vẻ đẹp hùng vĩ của tự nhiên. Những dòng sông, con suối lúc hiền hòa, lúc cuộn sóng, là trực sống, là nơi sinh thành và dưỡng nuôi cộng đồng người xứ Quảng: “*Sông Thu Bồn* ngàn dâu xanh

ngát/ *Nước Thu Bồn* trong mát ngàn thu” [5, tr.80], *sông Thu Bồn* có vẻ đẹp hồn hậu như bức tranh thủy mặc uyển chuyển, sống động, dòng *sông Thu Bồn* là một nét chấm phá của xứ Quảng. *Sông Thu Bồn* là một trong những lưu vực sông nội địa lớn nhất của đất nước Việt Nam, mang đậm dấu ấn văn hoá, hình ảnh lịch sử lâu đời, vẫn chảy mãi, vẫn chăm chỉ bồi đắp phù sa làm nên châu thổ. Hay vẻ đẹp nên thơ của sông Hàn: “Rừng Sơn Chà cây cao bát ngát/ *Nước sông Hàn* dào dạt *sóng xanh*...” [5, tr.79], sông Hàn với một dáng vẻ rất riêng, khỏe khoắn và thơ mộng với “sóng xanh”.

Tác giả dân gian đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên xứ Quảng tuyệt đẹp qua hình ảnh những con sông, con suối,... mà tạo hóa ban tặng. Chúng đã trở thành những biểu tượng gợi sự nên thơ và hùng vĩ của vùng đất này.

3.1.2. Nước - hiện thân của cái cao cả

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, với nghĩa thứ hai, *nước* có nghĩa chỉ “vùng đất trong đó những người thuộc một hay nhiều dân tộc cùng sống chung dưới một chế độ chính trị - xã hội và cùng thuộc về một nhà nước nhất định” [6, tr.746]. Với ý nghĩa này, *nước* là hình ảnh của sự thiêng liêng, cao cả: “Anh ơi giữ *nước* giữ non/ Tuổi xanh em đợi lòng son em chờ” [5, tr.93]. *Nước* không còn là một thực thể vật chất hữu hình mà là cội nguồn của một cộng đồng, là cái nôi của mỗi cá nhân, là quê hương, đất nước, tổ quốc. *Nước* không chỉ đứng một mình mà còn kết hợp sóng đôi kiểu: *đất nước, non nước, non sông, sơn hà, giang sơn,...* với phương thức chuyển nghĩa hoá dụ lấy bộ phận chỉ toàn thể để chỉ cương vực lãnh thổ của dân tộc sống và làm chủ trên đó: “Quê hương *đất nước* tự hào/ Dấy lên cơ nghiệp phong trào Việt Minh/ Thực dân đô hộ *nước* mình/ Bây giờ lật đổ cũng nhờ cụ Hồ Chí Minh cầm đầu/ Từ Nam chí Bắc đầu đầu/ Hy sinh cho tổ quốc kết đoàn cùng nhau/ Ai ơi tiến bước cho mau/ Chung tay giết giặc ngày sau huy hoàng” [5, tr.73-74], “Lời thề còn đó trơ trơ/ *Nước non* chung sức dựng cờ vinh quang” [5, tr.134].

Nước trong ca dao xứ Quảng còn chất chứa những mong muốn của người Quảng qua hình ảnh “bát nước đầy”, biểu trưng cho tình nghĩa trong đời sống nhân dân lao động: “*Bát nước đầy* bung hây còn nguyên/ Trai anh hùng thất lạc như con chim quên số lông” [5, tr.191], “Tranh quyền cướp của gì đây/ Coi nhau như *bát nước đầy* thì hơn” [5, tr.323]. “*Bát nước đầy*” biểu tượng cho tình cảm giữa người và người, nghĩa tình đong đầy, và đó cũng là cách sống, cách ứng xử không chỉ con người xứ Quảng hướng đến mà toàn thể dân tộc Việt Nam mong muốn. *Nước* đã trở thành biểu tượng cho tình cảm, sự gắn bó, mối quan hệ giữa người và người. *Nước* biểu tượng cho tình cảm rộng lớn, bao dung trong tình yêu đôi lứa: “Bao giờ cầu Mống gãy đôi/ *Sông Thu* hết *nước* thì em mới thôi thương chàng” [5, tr.358]; là công lao to lớn của cha mẹ, tình cảm, sự nuôi dưỡng của cha mẹ với con cái là trường tồn, vĩnh hằng, không gì có thể sánh bằng: “Công cha như núi ngất trời/ Nghĩa mẹ như *nước* sáng ngời *biển Đông*” [5, tr.291], “Cha mẹ nuôi con *biển hồ* lai láng/ Con nuôi cha mẹ tính tháng kể ngày” [5, tr.279].

Ngoài ra, *nước* còn là vật chứng cho lời thề nguyện ước hẹn: “Lời thề chúng có *nước non*/ Vàng tan ngọc nát vẫn còn thương nhau” [5, tr.440], “Lời thề *bể* cạn non mòn/ Con tầm đến chết vẫn còn nhà tơ” [5, tr.440].

Có thể thấy, trong ca dao xứ Quảng nói riêng và trong ca dao người Việt nói chung, *nước* biểu thị cho quê hương, tổ quốc thiêng liêng trong lòng mỗi người, mỗi dân tộc. Bên cạnh đó, *nước* còn biểu thị cho tình cảm lớn lao trong mối quan hệ xã hội của con người.

3.1.3. *Nước – từ nguồn sống đến tái sinh*

Nước cung cấp sự sống và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt không chỉ cho con người mà cả động thực vật. Nhờ có nước mà các sinh vật được sinh sôi, phát triển. Nước là cội nguồn của sự sinh sôi nảy nở. Từ tính chất dòng chảy của nước, của sông, của biển,... tác giả dân gian đã liên tưởng đến những cảnh đời, số phận lên đênh của nông dân. Những dòng chảy ấy lúc êm đềm, lúc gợn sóng, lúc ào ào gây những khó khăn, hiểm trở cho người đi qua sông, cho đời sống người dân lao động, vì vậy tác giả dân gian lấy đó làm biểu tượng cho những gian nan mà con người gặp phải trong cuộc sống: “Chớ thấy *sông* cả mà lo/ *Sông* cả mặc *sông* chèo cho có chùng” [5, tr.199], “Con cò lặn lội bờ *sông*/ Gánh gạo nuôi chồng cấy lúa nuôi quân” [5, tr.103]. Ý niệm về sự cách trở của dòng sông, của biển, giữa đôi bờ ngăn cách, con người phải chinh phục thiên nhiên, phải qua sông, sang sông, vượt biển, lội suối,... vì vậy nước thử thách lòng người đối với tình yêu và cuộc sống.

Nước là công cụ, phương tiện thanh tẩy, rửa tội. Với tính chất tinh khiết, mát lành, *nước* là phương tiện để gột rửa tội lỗi, thanh tẩy con người khi làm những điều ô nhục, bị cảm dỗ: “Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Thấy em kho mắm luộc rau anh thềm/ Chiều tà ngã bóng nương dâu/ Vin cành bẻ lá em sầu duyên tơ/ Tiếc công thán đợi năm chờ/ Tương chàng có nghĩa ai ngờ theo Tây/ Vùi thân vào chôn bùn lầy/ *Nước* nào rửa sạch nhục này chàng ơi!” [5, tr.46].

Nước tuần hoàn, chảy dài theo sự sống của muôn loài. Những dòng sông, con suối,... còn có chức năng hủy diệt và thanh trừng mà con người đã nhận thức được qua những thiên tai lũ lụt, sóng thần,... mà nước gây ra. Nước đem lại sự sống cho muôn loài và cũng có thể lấy đi sự sống ấy. Vì vậy, *nước* là nơi con người tìm đến để giải thoát khi tuyệt vọng: “Ngán hơi kêu chẳng thấu trời/ Chàng ơi sao đem thiếp bỏ giữa đàng dưng chân/ Chàng ơi ngồi xuống thiếp phân/ Phân rồi thiếp đến *sông Ngân* trầm mình” [5, tr.456], “... Liều mình thác xuống *sông Ngân*/ Sống trên dương thế chịu chữ ái với ân hai chàng/ - Tội chi em nhảy xuống *sông Ngân*/ Để sống trên dương thế quân tử tặn là chàng/ Em không nhớ nặng Kiều kia thác xuống *suối vàng*/ Còn ôm duyên thủ tiết chờ hai chàng Kim Sanh/ Nay bấy chừ em thác em bỏ anh/ Miệng thế gian không biết nói anh ở mai hệ một hành để em thác oan” [5, tr.558]. Con người ủy thác số mệnh và sự sống của mình cho dòng nước và hơn hết nước còn là phương tiện thanh tẩy con người, chứng giám cho những thân phận bé nhỏ, oan ức. Dòng sông, dòng suối ấy sẽ đưa con người đến sự giải thoát, về với sự sống ban đầu. Đó là sự kết thúc nhưng cũng là sự khởi đầu, bắt đầu một cuộc sống mới, vì nước cũng là trung tâm tái sinh để giúp con người có một cuộc đời mới.

Với nội dung phản ánh đa dạng, ý nghĩa của biểu tượng *nước* trong ca dao xứ Quảng thể hiện đầy đủ các ý nghĩa tượng trưng cho ba chủ đề chiếm ưu thế: “nguồn sống, phương tiện thanh tẩy, trung tâm tái sinh” [7, tr.709] theo *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới*.

3.2. *Đất - đón nhận rộng mở*

3.2.1. *Đất - vẻ đẹp bao dung của tự nhiên*

Biểu tượng *đất* dưới dạng thức những ngọn núi, đồi, non, đồng, ruộng,... rất phổ biến trong kho tàng ca dao xứ Quảng. Biểu tượng *núi*, *non* mang vẻ đẹp của tự nhiên với những địa danh, ngọn núi nổi tiếng nơi đất Quảng. *Núi*, *non*, *đồi* biểu tượng cho vẻ đẹp hùng vĩ, rộng lớn của tạo hóa ban tặng cho quê hương: “*Non Nước* có *núi Ngũ Hành*/ Có nghề khắc đá lừng danh khắp vùng” [5, tr.69], *Ngũ Hành Sơn* hay *Non Nước* gồm năm ngọn núi đá vôi nhô lên trên một bãi cát ven biển rất hùng vĩ: Mộc Sơn, Thủy Sơn, Thổ Sơn, Kim Sơn và Hòa Sơn. Hay vẻ đẹp của tự nhiên nơi xứ Quảng được gọi lên từ hình ảnh *núi Chúa* – một ngọn núi cao nhất khu vực miền Trung với khí hậu ôn hòa quanh năm, có không khí của bốn mùa trong một ngày: “Chiều chiều mây phủ *Sơn Chà*/ Chớp giăng *núi Chúa* trời đà chuyển mưa” [5, tr.46].

Đất dưới nhiều dạng thức khác nhau đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp của tự nhiên nơi đất Quảng. Đó là vẻ đẹp mà đất mẹ đã bao dung dành tặng cho cuộc sống con người.

3.2.2. *Đất - hiện thân của cái cao cả*

Đất dưới hình dáng *núi*, *non* mang ý nghĩa biểu trưng thể hiện hình ảnh non sông, đất nước Việt Nam. Hình ảnh quê hương đất nước in dấu đậm sâu trong ca dao xứ Quảng với tâm hồn nhân dân ôm trọn bóng hình quê hương đất nước: “Anh đi gìn giữ nước *non*/ Tóc xanh em đợi lòng son em chờ/ Anh ra đi lính Cụ Hồ/ Con sông con suối con đò đưa anh” [5, tr.91], “Anh ơi gìn giữ nước giữ *non*/ Tuổi xanh em đợi lòng son em chờ” [5, tr.93]. *Đất*, *non*, *núi*,... kết hợp với *nước*, *sông*, *biển*,... trở thành những biểu tượng sống đời biểu tượng cho đất nước, tổ quốc, chủ quyền lãnh thổ: “Chim phượng hoàng bay ngang qua chợ/ Kêu bố bạn hàng trả nợ *non sông*/ Chi em ta quyết một lòng/ Lấy ngay chợ địch mới hòng thi đua” [5, tr.100-101]. *Đất* là quê hương, là chủ quyền lãnh thổ gắn liền với đời sống sinh hoạt, lao động của người dân: “*Đất Quảng Nam* chưa mưa đã thấm/ Rượu hồng đào chưa nhắm đã say/ Anh hùng thước lụa trao tay/ *Nước non* một gánh vui đây ai hay?” [5, tr.51], “Cho con đi nữ cứu thương/ Để con băng bó đám đương nước nhà/ Cho dù giặc Mỹ trăm tay/ Cũng không chia được *đất* này làm hai/ Cho dù cạn nước Đòng Nai/ Nát chùa Non Nước không sai tác lòng” [5, tr.101].

Bên cạnh biểu tượng cho quê hương, tổ quốc, *đất* trong đời sống tình cảm của con người, đặc biệt là tình yêu cha mẹ với con cái, bao giờ cũng là một biểu tượng quen thuộc. Có rất nhiều bài ca dao với biểu tượng *núi*, *non* thể hiện công ơn sinh thành, tình cảm bao la, vĩ đại của cha mẹ: “Công cha như *núi* ngất trời/ Nghĩa mẹ như nước sáng ngời biển Đông” [5, tr.291]. Tác giả dân gian đã mượn hình ảnh *núi* để nói lên một cách cụ thể công lao của cha thật to lớn, vĩ đại trong việc nuôi dạy con cái trưởng thành. Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng, vĩnh hằng như *núi*, *non* mới diễn tả hết công sinh thành và nuôi dưỡng của cha mẹ.

Ngoài ra, *đất* tượng trưng cho sự vững chắc, vững tâm, trường cửu trong tinh thần và tình yêu: “*Đá* mòn nhưng dạ không mòn/ Quê em còn khô em còn đánh Tây” [5, tr.111], “Chỉ thế nước thẳm *non* xanh/ Yêu nhau cho trọn chút tình phu thê” [5, tr.386]. *Đất* biểu tượng cho sự chứng giám,

minh chứng trong đời sống con người, là nơi chứng giám cho những lời thề nguyện ước: “Lời thề chúng có nước **non**/ Vàng tan ngọc nát vẫn còn thương nhau” [5, tr.440], “Trăm năm thề nguyện chung tình/ Có trời có **đất** có mình có ta” [5, tr.550].

Đất qua hình ảnh **núi**, **non** còn biểu trưng cho những gian nan, thách thức trong cuộc sống con người: “Sông Thu Bồn nước chảy lon bon/ Gặp sóng to, gió lớn chớ non tay chèo/ Thương nhau nguy hiểm cũng liều/ Trèo **non** lặn suối vượt đèo có nhau” [5, tr.506].

Tồn tại với nhiều dạng thức khác nhau, đất hiện thân cho cái cao cả trong tình cảm của nhân dân với quê hương, đất nước và trong tình cảm gia đình, tình yêu của con người. Với sự trường cửu, vĩnh hằng, đất còn là sự chứng giám cho lời thề ước và biểu tượng cho những khó khăn.

3.2.3. **Đất - mẹ của muôn loài**

Đất như một người mẹ, nuôi dưỡng muôn loài. Nhờ có đất mà động thực vật, sinh vật sinh sôi nảy nở, phát triển. Đất là người mẹ vĩ đại của mọi sinh vật sống trên Trái Đất. Ngoài ra, **đất** còn là phần âm, là người mẹ luôn bao dung, dang tay chào đón con người trở về với đất mẹ thiêng liêng: “... Dân ta tận tụy cả ngày/ Đưa Huỳnh Ngọc Huệ chôn tay núi cao/ Bà con đưa tiễn nghẹn ngào/ Bỏ bao nắm **đất** thôi chào huyết sào” [5, tr.179], “Cha già con muông chơi voi/ Gân **đất** xa trời thân lập lấy thân” [5, tr.278]. Đất đón nhận con người trở về vòng tay bao dung của người mẹ, về với cõi âm và đó cũng là nơi tái sinh, bắt đầu sự sống mới thông qua việc đất lấy những tinh chất từ trong lòng đất để cung cấp sự sống và nuôi dưỡng cây cối, các sinh vật khác, để chúng bắt đầu một cuộc sống, sinh sôi và phát triển.

Ngoài ra, **đất** như một người mẹ, là nơi để con người tìm đến than vãn, kêu van, bộc lộ những nỗi niềm: “Nhón chân kêu bớ cô ba/ Ban ngày chơi cây lựu tối qua cây đào/ Chơi trắng rồi lại giỡn sao/ Ham vì chút nghĩa bạn trao duyên sắt cầm/ Nói ra lụy nhỏ ướt dầm/ Trời ơi **đất** hỡi biểu ta thương thăm ta cũng thương” [5, tr.468], “Hỡi trời cao, hỡi **đất** dày/ Thuế sao thuế nặng, thế này hờ quan/ Xóm làng bóp bụng bầm gan/ Bán đĩa, bán ruộng ngày càng thăm thay” [8, tr.100].

Đất là người mẹ vĩ đại của muôn loài, nuôi dưỡng và chứng kiến từng sự sinh sôi, nảy nở, phát triển của từng loài sinh vật. Bên cạnh đó, đất còn là nơi luôn bao dung đón nhận con người trở về với cát bụi.

3.3. **Không khí - kết nối các chiều sống**

3.3.1. **Không khí - sự cách trở, gian nan**

Về các biểu tượng tự nhiên nằm trong hệ thống biểu tượng không khí, nhóm tác giả xét đến biểu tượng gió, bão vì những làn gió có nguồn gốc hình thành từ một khối không khí chuyển động và bão bao gồm những cơn gió với tốc độ mạnh.

Đi vào ca dao Việt Nam nói chung và xứ Quảng nói riêng, **gió** được dùng biểu trưng cho những thử thách, khó khăn, những biến động của cuộc đời: “Dân ta như hòn núi trên non/ Trời lay không chuyển **ngọn gió** lòn chẳng xê/ Nó xúc bên ni nó đổ bên tê/ Quần vung áo vải ta cứ về làng ta” [5, tr.108-109], “Sông Thu Bồn nước chảy lon ton/ Gặp sóng to **gió** lớn chớ non tay chèo/ Thương nhau nguy hiểm cũng liều/ Trèo non lặn suối vượt đèo có nhau” [5, tr.506]. Với

người quân tử, có lập trường vững vàng thì **gió** chỉ là thử thách nhỏ phải gặp trong cuộc đời: “Cây cao thì **gió** phải lay/ Càng cao danh vọng càng dày gian nan” [5, tr.193].

Từ sức mạnh của gió, bão, gây nên những nguy hiểm trong đời sống, tác giả dân gian đã gán cho chúng ý nghĩa biểu tượng thể hiện những khó khăn, thử thách mà con người phải đối mặt và vượt qua trong cuộc sống.

3.3.2. **Không khí - sự tác hợp**

Gió là phương tiện tác hợp các yếu tố lại với nhau. Biểu tượng **gió** là sự tác hợp được thể hiện nhiều trong ca dao về tình yêu đôi lứa. **Gió** đưa đẩy, kết nối lương duyên, tạo cơ hội, thời cơ để tình yêu đôi lứa được gắn bó, xứng hợp: “Con gái Hạ Nông như bông hoa lý/ Con trai Bất Nhị như ngọn cỏ may/ Lay trời mưa lất **gió** lay/ Cho bông hoa lý rơi xuống ngọn cỏ may đâm vào” [5, tr.410], “Đêm nằm chếp miệng thở ra/ Tình này ai biết cho ta hỡi tình/ Sông Tiền Đường vui dập đoạn tình/ Nước sông không đành đây ta thôi không đặng/ Trong sách có câu lời hẹn con bóng đèn trưa/ Chẳng qua **gió** đẩy mưa vừa/ Lắm lắm bước tới Hối Dừa gặp nhau” [5, tr.429], “Thân em như thể hộp vàng/ Thân anh như manh chiếu rách bạn hàng bỏ quên/ Trăm lay ông trời cho **gió** thổi lên/ Cho manh chiếu rách hát lên hộp vàng” [5, tr.517].

Không khí là phương tiện tác động, kết nối các sự sống. Vì vậy, thông qua biểu tượng **gió**, tác giả dân gian đã sử dụng chúng để biểu thị cho sự tác hợp, gắn kết tình yêu.

3.3.3. **Không khí - kết nối cõi âm và cõi dương**

Gió là phương tiện kết nối con người, sinh vật giữa cõi dương với cõi âm. **Gió** làm phương tiện vận chuyển như một thần chết luân hồi linh hồn, số mệnh: “**Gió** đưa cây cải về trời/ Những ngày tranh đấu tạm thời dài ghê/ Lòng dân son sắt một bề/ Dầu bao gian khổ không hề núng nao” [5, tr.123], “**Gió** đưa cây cải về trời/ Tây thua về nước Việt gian thời theo ai?” [5, tr.123], “**Gió** đưa bông cải về trời/ **Gió** đưa **gió** đẩy đi đời cụ Ngô/ Cụ Ngô là đứa ở mô/ Dân ta chỉ biết Cụ Hồ mà thôi” [5, tr.180].

Gió giao thoa và kết nối các chiều không gian, vì vậy **gió** biểu tượng cho sự giao hòa, trung chuyển giữa các chiều sống. Đi vào ca dao xứ Quảng, **gió** tượng trưng như một sợi dây kết nối âm - dương.

3.4. **Lửa - thấp nhiệt thành**

3.4.1. **Lửa - quyền năng hủy diệt**

Trong nhiều bài ca dao kháng chiến, ca dao về đất nước, lịch sử xứ Quảng, những ấn tượng kinh hoàng, ám ảnh về tội ác của kẻ thù, về sức hủy diệt tàn khốc của chiến tranh được gợi từ biểu tượng **lửa**. Đó là hình ảnh quê hương bị tàn phá, tro bụi khi giặc kéo đến: “Ai ra Đồng Nghệ Đồng Xanh/ Cho tôi nhắn gửi chút tình hậu phương/ Ngoài kia chiều nắng mai sương/ Xác gục ngõ đường nhà xóm ra **tro**” [5, tr.89-90], “**Ngọn lửa hồng** phừng phừng bốc cháy/ **Khói** mịt mù đen sẫm chân trời/ Câu Lâu bị dày xéo than ôi/ Dòng sông ngừng chảy chim trời ngừng bay/ Sa trường đội tiếng thương đau/ Hồn ai uất hận máu say quân thù/ Người về đầu cảnh vật đầu/ Bao nhiêu thay đổi bể dâu điêu tàn...” [5, tr.146].

Lửa còn là sự trừng phạt, tiêu diệt bọn xâm lăng được thể hiện trong ca dao xứ Quảng: “... Bom rền Đà Nẵng Chu Lai/ **Lửa** thiêu thiêu đốt hết loài xâm lăng/ Ai ra Thanh Quyết Điện Bàn/ Quê anh hùng liệt sĩ dòng chữ son sáng ngời...” [5, tr.183].

Trong ca dao xứ Quảng nói riêng và ca dao người Việt nói chung, *lửa* còn được dùng để chỉ những gian nan, thử thách. Lửa đã trở thành biểu tượng, là công cụ, phương tiện để thử thách lòng người, con người: “Vàng thì thử *lửa* thử than/ Chuông kêu thử tiếng người ngoan thử tài” [5, tr.265], “Trách cha trách mẹ nhà chàng/ Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau/ Thiệt vàng nào phải thau đâu/ Đùng đem thử *lửa* thêm đau lòng nàng” [5, tr.545].

Với ý nghĩa hủy diệt, người dân xứ Quảng đã đưa biểu tượng *lửa* vào ca dao để nhân mạnh và thể thiện rõ sự tàn phá của chiến tranh. Ngoài ra, biểu tượng *lửa* trong ca dao xứ Quảng còn là sự trừng phạt giặc ngoại xâm và là nơi để thử thách con người qua gian nan, khó khăn.

3.4.2. *Lửa – bùng cháy quyết tâm*

Trong ca dao xứ Quảng, đặc biệt trong ca dao kháng chiến, *lửa* là hiện thân của căm thù. *Lửa* biểu trưng thái độ của dân tộc Việt Nam với ngoại xâm. Lòng căm hận đã đi vào tận xương tủy từng con người, từng mảnh đất: “... - Làm dân nước Việt tôi nói thiệt không hề quên/ Lòng chưa hả giận *ngọn lửa* hận đà lên/ Nó ngủ trong tim gan rồi nó bùng cháy trên kia trên ngọn cờ/ - Thấy ngọn cờ đỏ chói xin hỏi bạn cùng/ Hỏi cái tinh thần nòi giống Lạc Hồng ta sao...” [5, tr.150], “... - Làm dân nước Việt tôi nói thiệt không hề quên/ Lòng chưa hả giận *ngọn lửa* hận đà lên/ Nó ngủ trong tim gan rồi nó bùng cháy trên kia trên ngọn cờ/ - Thấy ngọn cờ đỏ chói xin hỏi bạn cùng/ Hỏi cái tinh thần nòi giống Lạc Hồng ta sao...” [5, tr.150], “... Việt An rục *lửa* chiến công/ Núi Thành, Điện Ngọc cây chông chất thây/ Bom rền Đà Nẵng, Chu Lai/ *Lửa* thiêng thiêu đốt hết loài xâm lăng...” [5, tr.344].

Từ lòng căm thù giặc in sâu vào tận xương tủy, không thể nào quên trước bao nhiêu tội ác, sự tàn bạo của giặc, người dân xứ Quảng đi lên kháng chiến, quyết tâm chiến đấu cho mảnh đất, quê hương, tổ quốc nơi mình sinh sống, thể hiện tinh thần anh dũng, lòng quyết tâm chiến đấu của dân tộc: “Thấp cao mới biết tuổi vàng/ Gặp con *lửa* đỏ màu càng thêm tươi” [5, tr.170], “Quảng Nam ơi rất tự hào/ Quê hương *khói lửa* đi vào chiến công” [5, tr.157].

Sự hủy diệt, tàn khốc do *lửa* gây ra còn thể hiện một ý nghĩa khác. Từ lòng căm thù giặc để từ đó dấy lên lòng quyết tâm kháng chiến được thể hiện qua biểu tượng *lửa* trong ca dao xứ Quảng, *lửa* còn là sự tái sinh. Từ trong đám tro tàn, tiêu điều, quê hương, mảnh đất xứ sở sẽ vực dậy, tái sinh. *Lửa* thiêu đốt, hủy diệt nhưng *lửa* cũng là sự quyết tâm tái sinh từ lòng căm thù giặc.

3.4.3. *Lửa - giác ngộ*

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, “ngọn *lửa* thiêng của đạo Hindu mà Đức Phật thay bằng ngọn *lửa* bên trong, nó đồng thời là tri thức xuyên suốt, là sự giác ngộ và sự hủy bỏ cái vô bực ngoài” [7, tr.545]. Vì vậy, đi vào cuộc sống, vào ca dao, *lửa* và ánh sáng của nó được thể hiện như sự giác ngộ, ánh sáng của lí tưởng. Trong ca dao xứ Quảng,

lửa biểu tượng cho sự giác ngộ, nhận thức, hiểu biết, hướng đến chân lý được biểu hiện qua biểu tượng *Mặt Trời*: “Lòng dân như đóa hướng dương/ Trăm ngàn đổ lại một phương *mặt trời*/ Dù cho vật đổi sao dời/ Nguyễn cùng non nước một lời sắt son” [5, tr.64], “Ví dầu ví dầu ví dầu/ Ví qua ví lại ví trâu vô chuông/ Vô chuông bút một sợi dây/ Đem về thắt gióng cho mẹ mày đi buôn/ Đi buôn bữa lỗ bữa lời/ Ra đi cho biết *mặt trời* mặt trăng” [5, tr.623].

Người dân xứ Quảng đã đưa ý nghĩa của biểu tượng *lửa* là sự giác ngộ, tri thức vào ca dao để thể hiện sự nhận thức, hướng đến lý tưởng cách mạng, đến tổ quốc của nhân dân. Bên cạnh đó, biểu tượng *lửa* còn thể hiện sự hiểu biết, mong muốn khám phá của con người.

4. Kết luận

Biểu tượng vừa hàm chứa tư duy hình ảnh, vừa dẫn dắt các tầng sâu tâm thức con người. Hệ thống biểu tượng tự nhiên được tác giả dân gian xứ Quảng chạm vào ca dao như là khám đời sống cộng đồng vào thế giới, nơi sinh thành, dưỡng nuôi và lưu dấu hiện hữu.

Nghiên cứu biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng, chúng tập trung vào khảo sát, phân tích những tín hiệu thẩm mỹ mà con người đất Quảng đã tạo lập từ các cổ mẫu: đất, nước, *lửa*, không khí. Người Quảng thể hiện cách hiểu thế giới và tự biểu hiện mình qua nhiều tầng nghĩa xếp chồng của hệ thống biểu tượng tự nhiên trong ca dao. Ở đó, tâm thức cộng đồng với sự thúc đẩy của xu hướng tính cách đã góp phần trình hiện một xứ Quảng nên thơ và mãnh liệt.

Bức tranh văn hóa địa phương là một phần trong tổng thể văn hóa của một dân tộc, văn hóa dân tộc là một phần văn hóa nhân loại. Vì thế, những dấu ấn riêng trong ca dao xứ Quảng đã được nhận diện sẽ còn được nghiên cứu tiếp tục khi nhóm tác giả và những học giả cùng mối quan tâm triển khai những nghiên cứu so sánh sau công trình này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] D. H. Hai, *Symbol Study: Some Theoretical Approaches*, World Publishers – Ha Noi, 2014.
- [2] N. T. N. Diep, *Artistic symbols in traditional Vietnamese folk songs*, Ho Chi Minh City University of Education, 2002.
- [3] P. Ball, *The elements*, translated by P. V. Thieu, P. T. Hang, Knowledge Publishing House, 2014.
- [4] R. Barthes, *Mythologies*, Manufactured in the United States of America, 1991.
- [5] H. H. Viet, B. V. Tieng (editor), *Collection of folk culture and arts, Volume 1: Folk songs and folk songs of Quang land*, Danang Publishing House, 2006.
- [6] H. Phe, *Vietnamese dictionary*, Danang Publishing House, 2002.
- [7] J. Chevalier, A. Gheerbrant, *Dictionary of world cultural symbols*, Danang Publishing House, 1997.
- [8] H. H. Viet, *Folk songs and folk songs for the resistance war in Quang (1945 - 1975)*, Danang Publishing House, 2015.
- [9] L. Nguyen, *Critique of semiotics*, Vietnam Women’s Publishing House, 2018.